

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 03 năm 2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Hà Văn Sơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản P I, xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lường Văn S, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản P I, xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Lường Văn S kết hôn từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai Anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai

Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 28/8/2015.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải khuyên bảo cho anh chị nhưng không thành. Nay chị xác định vợ chồng không thể chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lường Thị T Lan, sinh ngày 25/04/2015; cháu Lường Hoàng Khánh Đăng, sinh ngày 18/9/2017. Trong thời gian ly thân, cả hai cháu Lan và Đăng ở cùng chị. Khi ly hôn, có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lan và cháu Đăng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu được nuôi dưỡng chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với anh Lường Văn S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lường Văn S. Qua xác minh, xác định anh Lường Văn S vắng mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án đã tiến hành các biện pháp niêm yết các thủ tục văn bản tố tụng cho anh S tại địa Phương nơi đăng ký hộ khẩu của anh S. Nhưng anh S vẫn cố ý vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh Lường Văn S đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không hợp tác để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản làm việc về việc tổng đạt văn bản và lập biên bản niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa để làm việc. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn S. Về con chung: Giao cháu Lương Thị T Lan, sinh ngày 25/04/2015; cháu Lương Hoàng Khánh Đăng, sinh ngày 18/9/2017 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí do là người dân tộc cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn với anh Lương Văn S có nơi cư trú tại bản Pó In, xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, phân chia tài sản chung và nợ chung là đúng quy định của pháp luật.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn tại nơi cư trú. Qua xác minh xác định bị đơn đã biết được nội dung chị T xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc thông qua bố mẹ đẻ ở chung nhà (Bố mẹ đẻ anh S cũng đã gọi điện thông báo cho anh S về việc chị T có đơn xin ly hôn và tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh S nói là không về được vì không xin được nghỉ). Bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện cho Tòa án, nên có căn cứ xem xét giải quyết vụ án. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn S.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn S kết hôn với nhau từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/8/2015, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, nên cuộc sống không hòa thuận hạnh phúc. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình và địa phương thể hiện, vợ chồng chị T, anh S có mâu thuẫn vợ chồng hay xảy ra cãi cọ, xúc phạm nhau, gia đình hai bên cũng đã hòa giải khuyên bảo anh chị nhưng không thành, anh S đi làm công nhân (không rõ địa chỉ), thỉnh thoảng mới trở về nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ xác định anh S biết việc chị T xin ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn S.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Lương Thị T Lan, sinh ngày 25/04/2015; cháu Lương Hoàng Khánh Đăng, sinh ngày 18/9/2017. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Qua xác minh tại Ban quản lý Bản và gia đình thể hiện trong thời gian anh S đi làm xa, hai cháu ở với chị T. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lan và cháu Đăng có nguyện vọng ở cùng chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng chị T, anh S hiện không có mặt tại địa phương. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần chấp nhận ý kiến của cháu Lan và cháu Đăng, giao cháu Lương Thị T Lan và cháu Lương Hoàng Khánh Đăng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không đề nghị anh S cấp dưỡng. Xét đây là yêu cầu tự nguyện của chị T nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Kết quả xác minh trùng với lời khai của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú tại bản có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, cần miễn án phí xin ly hôn cho chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị T Lan, sinh ngày 25/04/2015 và cháu Lương Hoàng Khánh Đăng, sinh ngày 18/9/2017 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh S được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Ténh

